iv Số Numbers

mưi	một	one
bơơr	hai	two
pe	ba	three
puôn	bốn	four
săâng	năm	five
sapạt	sáu	six
tapól	bảy	seven
takóól	tám	eight
takiêh	chín	nine
majêt	mười	ten
hariêng	trăm	hundred
mangaan	ngàn	thousand
marabôu hk	ngan	thousand
mabaan	vạn, mười ngàn	ten thousand
makalam hk	vạn	ten thousand
mabâuq	100,000	100,000
ramuun hk	1,000,000	1000,000
ma-ưk	1,000,000	1,000,000
tôk tek hk	1,000,000	1,000,000
miq	cả hai	both

TỦ SÁCH NGÔN-NGỮ
DÂN-TỘC THIỂU-SỐ
VIỆT-NAM
cuốn 5

NGỮ-VỰNG KATU

KATU VOCABULARY

NANCY A COSTELLO

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU
BỘ GIÁO-DỤC
1971

★